BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 16: Từ 11/11 Đến 17/11/2024

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 11/11	Sáng	1	Bảo trì hệ thống thủy lực, điện - thủy lực Lê Kiên Cường (X22.203)		Lập trình điều khiển hệ thống tự động hoá toà nhà - KNX Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Hệ thống điều hòa không khí trung tâm nước Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Mạng truyền thông công nghiệp Trần Quốc Phương (X22.204)	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cơ khí Đỗ Anh Tuấn (X10.101_PHLT Khoa CK)			Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)				Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)					CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)
		2													Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.101)	Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.101)						
		3																			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)
		4																				
		5																			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)
	Chiều	6	Tìm lỗi, kiểm tra và hiệu chỉnh hệ thống và thiết bị đo lường , điều khiển (Lập trình PLC - Hệ thống sản xuất linh hoạt) Trần Quốc Phương (X22.204)					Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cơ khí Đỗ Anh Tuấn (X10.101_PHLT Khoa CK)	Thực hành kế toán Excel Trần Việt Anh ()	Công nghệ mạng không dây Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)			Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)			
		7																				
		8											Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)				Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)					
		9												Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)					Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)			
		10																				
Thứ 3 12/11	Sáng	1	Bảo trì hệ thống thủy lực, điện - thủy lực Lê Kiên Cường (X22.203)	Năng lượng tái tạo Nguyễn Duy Thanh (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	Lập trình điều khiển hệ thống tự động hoá toà nhà - KNX Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Hệ thống điều hòa không khí trung tâm nước Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Mạng truyền thông công nghiệp Trần Quốc Phương (X22.204)				Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)				Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)						
		2																				
		3													Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)						
		4													Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)	Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)						
		5																				
	Chiều	6	Tìm lỗi, kiểm tra và hiệu chỉnh hệ thống và thiết bị đo lường , điều khiển (Lập trình PLC - Hệ thống sản xuất linh hoạt) Trần Quốc Phương (X22.204)						Thực hành kế toán Excel Trần Việt Anh ()	Công nghệ mạng không dây Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.103)			Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.103)		Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)
		7																				
		8											Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)				Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.104)			CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)
		9																				
		10																				
Thứ 4 13/11	Sáng	1	Bảo trì hệ thống thủy lực, điện - thủy lực Lê Kiên Cường (X22.203)	Năng lượng tái tạo Nguyễn Duy Thanh (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	Lập trình điều khiển hệ thống tự động hoá toà nhà - KNX Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Hệ thống điều hòa không khí trung tâm nước Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Mạng truyền thông công nghiệp Trần Quốc Phương (X22.204)			Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)				Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)					Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)
		2																				
		3																			Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)
		4													Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)					Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)
		5																			CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)
	Chiều	6	Tìm lỗi, kiểm tra và hiệu chỉnh hệ thống và thiết bị đo lường , điều khiển (Lập trình PLC - Hệ thống sản xuất linh hoạt) Trần Quốc Phương (X22.204)						Thực hành kế toán Excel Trần Việt Anh (TV_THI TN05)			Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)			Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)			
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 14/11	Sáng	1		Năng lượng tái tạo Nguyễn Duy Thanh (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	Lập trình điều khiển hệ thống tự động hoá toà nhà - KNX Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Hệ thống điều hòa không khí trung tâm nước Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Mạng truyền thông công nghiệp Trần Quốc Phương (X22.204)			Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)				Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)	Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)						Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)
		2																			Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)
		3																			Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)
		4																				
		5																			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)
	Chiều	6	Tìm lỗi, kiểm tra và hiệu chỉnh hệ thống và thiết bị đo lường , điều khiển (Lập trình PLC - Hệ thống sản xuất linh hoạt) Trần Quốc Phương (X22.204)					Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cơ khí Đỗ Anh Tuấn (X10.101_PHLT Khoa CK)	Thực hành kế toán Excel Trần Việt Anh (TV_THI TN05)			Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BỒI TRƠN - LÀM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)			Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.104)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)			
		7											Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.102)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.103)			Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.102)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.104)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.103)			
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 6 15/11	Sáng	1		Năng lượng tái tạo Nguyễn Duy Thanh (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	Lập trình điều khiển hệ thống tự động hoá toà nhà - KNX Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Hệ thống điều hòa không khí trung tâm nước Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Mạng truyền thông công nghiệp Trần Quốc Phương (X22.204)	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cơ khí Đỗ Anh Tuấn (X10.101_PHLT Khoa CK)		Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)											
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Tìm lỗi, kiểm tra và hiệu chỉnh hệ thống và thiết bị đo lường , điều khiển (Lập trình PLC - Hệ thống sản xuất linh hoạt) Trần Quốc Phương (X22.204)					Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cơ khí Đỗ Anh Tuấn (X10.101_PHLT Khoa CK)														
		7																				
		8																			HĐTNHN Phạm Thanh Mai (H5.202)	HĐTNHN Phạm Thanh Mai (H5.202)
		9																				
		10																				
Thứ 7 16/11	Sáng	1	Bảo trì hệ thống thủy lực, điện - thủy lực Lê Kiên Cường (X22.203)																			
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Bảo trì hệ thống thủy lực, điện - thủy lực Lê Kiên Cường (X22.203)																			
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 16: Từ 11/11 Đến 17/11/2024

LỚP			62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 11/11	Sáng	1											CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)				
		2											Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)				
		3											Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)				
		4											Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)				
		5																				
	Chiều	6	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)								Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)						
		7										CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)						Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.402)
		8	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)								Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)						
		9	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.401)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.401)																		CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)
		10																				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)
Thứ 3 12/11	Sáng	1											Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)				
		2											Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)				
		3											CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)				
		4											Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.404)			Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.404)				
		5																				
	Chiều	6	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)								CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)						
		7																				Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)
		8	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)								Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)				Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)						
		9																				CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)
		10	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)								Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.403)				Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.403)						Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)
Thứ 4 13/11	Sáng	1												Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.404)				Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.404)				
		2																				
		3												Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.401)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.401)								Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)			Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)					
		7											Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.406)				Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.406)					Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.402)
		8	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.401)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.401)								Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)						
		9											Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)				Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)					Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)
		10										Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)				Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)						

LỚP			62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 14/11	Sáng	1												CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)				
		2																				
		3												Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				
		4												CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				
		5												Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)				Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)				
	Chiều	6	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)								Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)					CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)
		7	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)								CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.406)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.406)					
		8	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)								CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)						Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)
		9	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)								Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.403)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)			Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.403)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)					Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)
		10	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)																		CCĐ Toán học 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)
Thứ 6 15/11	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	HĐTNHN Lê Thị Tháo (H5.401)	HĐTNHN Lê Thị Tháo (H5.401)								HĐTNHN Chu Thị Tính (H5.403)	HĐTNHN Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	HĐTNHN Lê Thị Tố Quyên (H5.404)		HĐTNHN Chu Thị Tính (H5.403)	HĐTNHN Lưu Thị Thuỷ (H5.201)	HĐTNHN Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				
		7																				
		8																				HĐTNHN Nguyễn Hoài Anh (H5.402)
		9																				
		10																				
Thứ 7 16/11	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 16: Từ 11/11 Đến 17/11/2024

LỚP			62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 11/11	Sáng	1													CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.407)					CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.407)
		2																	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)		
		3													CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)					CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)
		4													Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.407)			Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)		
		5																	CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.407)
	Chiều	6			CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.101)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.101)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.407)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.402)					
		7																				
		8			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)					Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.407)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)					
		9			Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)										
		10								Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.406)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.406)							Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)					
Thứ 3 12/11	Sáng	1					Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.103)			Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.106)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.103)			Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.107)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.107)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	
		2					CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)					CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.103)							Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)		
		3					CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)		CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thùy (H5.407)				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	
		4					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)					Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)		Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.107)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.107)		
		5													CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)						CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	
	Chiều	6			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)										CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thùy (H5.407)		Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)					CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thùy (H5.407)
		7														Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)							Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)
		8			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)												CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)					
		9			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)										Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.402)					Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)
		10																				
Thứ 4 13/11	Sáng	1					Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)					Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)			Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.407)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.407)
		2													Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)	
		3					CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)					CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.407)			Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.407)
		4													Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.407)			Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.107)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.107)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.407)
		5					Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.104)					Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.104)			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.407)					CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.407)
	Chiều	6			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)				CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.101)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.101)						Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.402)					
		7			Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)																
		8								Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.101)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.101)						Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.407)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)					
		9			CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)						CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.407)					
		10								CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)						CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)					

LỚP			62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 14/11	Sáng	1								Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)				Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.406)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)		
		2								CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)			CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)		Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.406)	
		3								CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.106)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.106)				Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)		Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.407)			CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)		Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)
		4								Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.106)				Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)						Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	
		5														CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.104)	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)		Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.107)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.107)		CCĐ Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.104)
	Chiều	6			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)					Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)						CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.402)				
		7			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)					Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)						Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)				
		8			CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)																
		9			Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)					Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)						Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)				
		10																CCĐ Toán học 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)				
Thứ 6 15/11	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6			HĐTNHN Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐTNHN Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐTNHN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			HĐTNHN Nguyễn Thị Huyền (H5.203)	HĐTNHN Nguyễn Thị Huyền (H5.203)	HĐTNHN Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			HĐTNHN Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	HĐTNHN Trần Thị Hằng (H5.302)	HĐTNHN Lê Thị Quyên (H5.407)	HĐTNHN Nguyễn Hoài Anh (H5.402)	HĐTNHN Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐTNHN Trần Thị Kim Liên (H5.303)	HĐTNHN Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	HĐTNHN Trần Thị Hằng (H5.302)
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 16/11	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 16: Từ 11/11 Đến 17/11/2024

LỚP			62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 11/11	Sáng	1															Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Máy điện Trần Thị Thơm (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Máy điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)	Cung cấp điện Nguyễn Văn Tĩnh ()	Cung cấp điện Nguyễn Trung Tuệ ()
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)														Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	LĐ	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)		
		7																				
		8	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.407)														Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)		
		9																				
		10																	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)		
Thứ 3 12/11	Sáng	1	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)														Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Máy điện Trần Thị Thơm (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Máy điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)	Cung cấp điện Nguyễn Văn Tĩnh ()	Cung cấp điện Nguyễn Trung Tuệ ()
		2																				
		3	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)																			
		4	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)																			
		5																				
	Chiều	6															Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)		Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)		
		7															CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)					
		8															Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)		Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)	Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)		
		9																	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)		
		10															Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)					
Thứ 4 13/11	Sáng	1															Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Máy điện Trần Thị Thơm (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Máy điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)	Cung cấp điện Nguyễn Văn Tĩnh ()	Cung cấp điện Nguyễn Trung Tuệ ()
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)														Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)		
		7																				
		8	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)														Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)		Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)	Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)		
		9	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)														Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.307)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.307)		
		10	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)																CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)		

LỚP			62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 14/11	Sáng	1	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)														Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Máy điện Trần Thị Thơm (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Máy điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)	Cung cấp điện Nguyễn Văn Tỉnh ()	Cung cấp điện Nguyễn Trung Tuệ ()
		2	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.407)																			
		3																				
		4	CCĐ Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)																			
		5																				
	Chiều	6															Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)		Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)		
		7																	CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)		
		8															CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)		Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)		
		9															Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)					
		10																				
Thứ 6 15/11	Sáng	1															Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)		LĐ	Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)	Cung cấp điện Nguyễn Văn Tỉnh ()	Cung cấp điện Nguyễn Trung Tuệ ()
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	HĐTNHN Lê Thị Quyên (H5.407)														LĐ			LĐ		
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 16/11	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6															HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.304)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)		
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 16: Từ 11/11 Đến 17/11/2024

LỚP			63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 11/11	Sáng	1	Thiết bị điện gia dụng Đoàn Mạnh Hà ()	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Bá Thanh ()			Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Thị Hương ()	Kỹ thuật cảm biến Phạm Quang Thắng ()	Máy điện Nguyễn Việt Cường (X22.202)	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	Trang bị điện Triệu Đình Sơn (X22.104)	Kỹ thuật số Phạm Ngọc Ánh (X22.108)	Điện tử tương tự Hoàng Quyết Tiến (X22.102)			Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Gia công cơ khí bổ trợ Lê Văn Nam (X9.101_Phòng LT Khoa Cơ khí)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện-Phay- bào)		Thuế Lương Thị Hương (H3.205_Khoa SP-KT)	Tài chính doanh nghiệp Đặng Thị Thu Hà (H3.206_Khoa SP- KT)	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.106_Khoa SP- KT)
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6														Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.304)					Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)
		7																		Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)		
		8														Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)					CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)
		9																		Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)		
		10																			Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)
Thứ 3 12/11	Sáng	1	Thiết bị điện gia dụng Đoàn Mạnh Hà ()	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Bá Thanh ()			Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Thị Hương ()	Kỹ thuật cảm biến Phạm Quang Thắng ()	Máy điện Nguyễn Việt Cường (X22.202)	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	Trang bị điện Triệu Đình Sơn (X22.104)	Kỹ thuật số Phạm Ngọc Ánh (X22.108)	Điện tử tương tự Hoàng Quyết Tiến (X22.102)			Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Gia công cơ khí bổ trợ Lê Văn Nam (X9.101_Phòng LT Khoa Cơ khí)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện-Phay- bào)		Marketing Trần Huy Quảng (H3.205_Khoa SP-KT)	Tài chính doanh nghiệp Đặng Thị Thu Hà (H3.206_Khoa SP- KT)	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.106_Khoa SP- KT)
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6														Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)		
		7														CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)				Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)
		8														Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)				CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)
		9																		CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)	Tin học 11_1 Võ Lệ Thu (H5.302)	Tin học 11_1 Võ Lệ Thu (H5.302)
		10														Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)				Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)		
Thứ 4 13/11	Sáng	1	Thiết bị điện gia dụng Đoàn Mạnh Hà ()	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Bá Thanh ()			Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Thị Hương ()	Kỹ thuật cảm biến Phạm Quang Thắng ()	Máy điện Nguyễn Việt Cường (X22.202)	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	Trang bị điện Triệu Đình Sơn (X22.104)	Kỹ thuật số Phạm Ngọc Ánh (X22.108)	Điện tử tương tự Hoàng Quyết Tiến (X22.102)			Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)	Gia công cơ khí bổ trợ Lê Văn Nam (X9.101_Phòng LT Khoa Cơ khí)	Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện-Phay- bào)		Marketing Trần Huy Quảng (H3.205_Khoa SP-KT)	Tài chính doanh nghiệp Đặng Thị Thu Hà (H3.206_Khoa SP- KT)	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.106_Khoa SP- KT)
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6														Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.304)					Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)
		7																		Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)		
		8														Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)
		9														Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)				Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)
		10																		Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)

LỚP			63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 14/11	Sáng	1	Thiết bị điện gia dụng Đoàn Mạnh Hà ()	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Bá Thanh ()			Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Thị Hương ()	Kỹ thuật cảm biến Phạm Quang Thắng ()		PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	Trang bị điện Triệu Đình Sơn (X22.104)					Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)		Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện-Phay- bào)			Tài chính doanh nghiệp Đặng Thị Thu Hà (H3.206_Khoa SP- KT)	Marketing Trần Huy Quảng (H3.106_Khoa SP- KT)
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6														Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)				Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.306)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.302)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.302)
		7																				
		8														CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)				Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)
		9														Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)				Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.306)		
		10																				
Thứ 6 15/11	Sáng	1	Thiết bị điện gia dụng Đoàn Mạnh Hà ()	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Bá Thanh ()	Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Thiết bị điện gia dụng Lỗ Văn Ba ()	Kỹ thuật cảm biến Nguyễn Thị Hương ()	Kỹ thuật cảm biến Phạm Quang Thắng ()						Tách: Điện tử công suất-1-1-2024(N03) Nguyễn Văn Chiều (...) Điện tử công suất-1-1-2024(N04) Đặng Duy Thanh (...)	Kỹ thuật số Dương Thanh Huệ ()	Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)		Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện-Phay- bào)	Kiểm tra – Đánh giá chất lượng mối hàn Hồ Sĩ Khương ()			Marketing Trần Huy Quảng (H3.106_Khoa SP- KT)
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6			Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân ()	Thiết bị điện gia dụng Lỗ Văn Ba ()								Tách: Điện tử công suất-1-1-2024(N03) Nguyễn Văn Chiều (...) Điện tử công suất-1-1-2024(N04) Đặng Duy Thanh (...)	Kỹ thuật số Dương Thanh Huệ ()				Kiểm tra – Đánh giá chất lượng mối hàn Hồ Sĩ Khương ()			
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 16/11	Sáng	1			Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Thiết bị điện gia dụng Lỗ Văn Ba ()								Tách: Điện tử công suất-1-1-2024(N03) Nguyễn Văn Chiều (...) Điện tử công suất-1-1-2024(N04) Đặng Duy Thanh (...)	Kỹ thuật số Dương Thanh Huệ ()				Kiểm tra – Đánh giá chất lượng mối hàn Hồ Sĩ Khương ()			
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6			Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân ()	Thiết bị điện gia dụng Lỗ Văn Ba ()										HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Quyên (H5.304)			Kiểm tra – Đánh giá chất lượng mối hàn Hồ Sĩ Khương ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.302)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.302)
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 16: Từ 11/11 Đến 17/11/2024

LỚP			63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 11/11	Sáng	1				Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính)				Kỹ thuật điện – điện tử Lê Hoàng (H2.301_TH LR Máy tính)		Lập trình căn bản Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tin học văn phòng Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Lê Ngọc Viên (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.204.TH KHOA TIN)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6								Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)			Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	
		7											Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)			Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan ()	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan ()			
		8				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)				Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.203)		Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.203)					Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.404)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)
		9											Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)			Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)			
		10				Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)				CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)							CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)
Thứ 3 12/11	Sáng	1				Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính)				Kỹ thuật điện – điện tử Lê Hoàng (H2.301_TH LR Máy tính)		Lập trình căn bản Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tin học văn phòng Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Lê Ngọc Viên (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.204.TH KHOA TIN)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6				Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)	Ktra: Tin học văn phòng-1-1-2024(N01) Phan Hoàng Lan (H2.203_TH Tin Đại cương)			Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)	Kỹ thuật điện – điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.404)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.404)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)
		7				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)							Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.301)	Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.301)							Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)
		8				Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)				Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)					Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)
		9				Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)				Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)		Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)							Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)
		10				Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)															Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)
Thứ 4 13/11	Sáng	1				Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính)				Kỹ thuật điện – điện tử Lê Hoàng (H2.301_TH LR Máy tính)		Lập trình căn bản Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)				Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Lê Ngọc Viên (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.204.TH KHOA TIN)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)	Thiết kế mạng LAN Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)			Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)	Kỹ thuật điện – điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)			CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)
		7				CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)											Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.404)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.404)			CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)
		8				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)				Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)		Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)					Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)
		9				Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.201)				Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)			Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.404)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.404)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.201)
		10								CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)		CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)					Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.202)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuý (H5.202)	

LỚP			63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 14/11	Sáng	1				Ktra: Bảo trì máy tính-1-1-2024(N03) Tạ Ngọc Dũng (H3.204.TH KHOA TIN)						Tin học văn phòng Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)				Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÓI TRƠN - LÁM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6				Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.201)	Thiết kế mạng LAN Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)			Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Kỹ thuật điện – điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)			Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.201)
		7								Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)					Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	
		8				CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)					CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)
		9				Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)					Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)
		10																			
Thứ 6 15/11	Sáng	1	Thuế Trần Việt Anh ()	Thuế Trần Việt Anh ()	Bảo quản hàng hóa Phan Thanh Đạt ()		Thiết kế mạng LAN Tạ Văn Khoa (H3.110_TH THCB)	Tiếng anh chuyên ngành Tạ Ngọc Dũng ()	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng ()				Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)		Tin học văn phòng Kim Thị Thương ()	Lập trình căn bản Nguyễn Thị Hường ()	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÓI TRƠN - LÁM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Thuế Trần Việt Anh ()	Thuế Trần Việt Anh ()	Bảo quản hàng hóa Phan Thanh Đạt ()			Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng ()				Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)		Tin học văn phòng Kim Thị Thương ()	Lập trình căn bản Nguyễn Thị Hường ()					Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.204.TH KHOA TIN)
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			
Thứ 7 16/11	Sáng	1			Bảo quản hàng hóa Phan Thanh Đạt ()			Tiếng anh chuyên ngành Tạ Ngọc Dũng ()	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng ()						Tin học văn phòng Kim Thị Thương ()	Lập trình căn bản Nguyễn Thị Hường ()					
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6			Bảo quản hàng hóa Phan Thanh Đạt ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Văn Quang (H5.201)		Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.301)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Văn Thành (H5.202)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Văn Thành (H5.202)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Văn Quang (H5.201)
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 16: Từ 11/11 Đến 17/11/2024

LỚP			63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CCT1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1	64CKT1	64CLG1	64CQM1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTM1	64CTT1	64CVP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 11/11	Sáng	1	Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H3.108_CNTT)	Vẽ kĩ thuật Bùi Thị Len (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.103)				Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.103)				Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)			
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.303)	Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.303)		Kĩ thuật đo lường Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)		Khí cụ điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)	Khí cụ điện Nguyễn Duy Thanh (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Dương Thanh Huệ (X22.302)			Quản trị học Bùi Thu Trang (H3.105_Khoa SP- KT)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)			Lắp ráp và cài đặt máy tính Lê Xuân Chung (H3.204.TH KHOA TIN)	
		7			Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)															
		8	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)																
		9	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)															
		10																		
Thứ 3 12/11	Sáng	1	Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H3.108_CNTT)	Vẽ kĩ thuật Bùi Thị Len (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.103)				Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.103)				Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)			
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)			Khí cụ điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)	Khí cụ điện Nguyễn Duy Thanh (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Dương Thanh Huệ (X22.302)		Soạn thảo văn bản Trần Huy Quảng (TV_THI TN05)	Soạn thảo văn bản Trần Huy Quảng (TV_THI TN05)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)			Lắp ráp và cài đặt máy tính Lê Xuân Chung (H3.204.TH KHOA TIN)	
		7			Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)															
		8	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)															
		9	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.303)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.303)	CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)															
		10			Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)															
Thứ 4 13/11	Sáng	1	Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H3.108_CNTT)	Vẽ kĩ thuật Bùi Thị Len (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.103)			Điện tử cơ bản Dương Thanh Huệ (X22.302)	Kỹ thuật điện Nguyễn Minh Khang (X22.103)				Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)			Ktra: Cơ sở dữ liệu-1-1-24(N01) Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)			Khí cụ điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)	Khí cụ điện Nguyễn Duy Thanh (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Dương Thanh Huệ (X22.302)	Khí cụ điện – điện tử Lê Kiến Cường (X22.104)	Soạn thảo văn bản Trần Huy Quảng ()	Soạn thảo văn bản Trần Huy Quảng ()			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)			Lắp ráp và cài đặt máy tính Lê Xuân Chung (H3.204.TH KHOA TIN)	
		7																		
		8	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)															
		9			Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)															
		10	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)															

LỚP			63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CCT1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1	64CKT1	64CLG1	64CQM1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTM1	64CTT1	64CVP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 14/11	Sáng	1	Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)		Vẽ kĩ thuật Bùi Thị Len (X10.203_PHLT Khoa CK)					Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (X22.203)				Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)			
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.303)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.306)			Khí cụ điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)	Khí cụ điện Nguyễn Duy Thanh (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Dương Thanh Huệ (X22.302)	Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (X22.104)	Soạn thảo văn bản Trần Huy Quảng ()	Soạn thảo văn bản Trần Huy Quảng ()			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)			Lắp ráp và cài đặt máy tính Lê Xuân Chung (H3.204.TH KHOA TIN)	
		7																		
		8	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)															
		9			Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.306)															
		10																		
Thứ 6 15/11	Sáng	1	Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)								Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (X22.104)				Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)			
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Ktra: Cấu trúc dữ liệu và giải thuật-1-1-2024(N09) Phùng Thị Minh Phương (H3.107_CNTT)					Khí cụ điện Đoàn Mạnh Hà (X23.208.Phòng học PLC)	Khí cụ điện Nguyễn Duy Thanh (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (X22.104)	Soạn thảo văn bản Trần Huy Quảng (TV_THI TN05)	Soạn thảo văn bản Trần Huy Quảng (TV_THI TN05)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)				
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 16/11	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Kim Liên (H5.306)															
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 16: Từ 11/11 Đến 17/11/2024

LỚP			64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 11/11	Sáng	1	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)		CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)
		2		CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)			CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)				Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.401)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)					Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.401)
		3	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.306)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)					Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.302)		Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.302)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	
		4	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)			CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)		Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)			Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)
		5		Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.306)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)				CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)		Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)			Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)
	Chiều	6		Tin học Quách Thu Thảo (H3.110_TH THCB)		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (Nhà thi đấu_01)		Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)			Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()		Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.208)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()		Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.208)	Tin học Vũ Lệ Thu (H2.203_TH Tin Đại cương)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (Nhà thi đấu_01)		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 3 12/11	Sáng	1	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)		Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)			Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.401)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.102)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.401)
		2						Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)			Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.401)						Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)			Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.401)
		3	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)		Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)			Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.402)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	
		4		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.307)			CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.402)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)			CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)
		5	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)				Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)			Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)
	Chiều	6		Tin học Quách Thu Thảo (H3.110_TH THCB)		Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.208)				Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()		Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 4 13/11	Sáng	1	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)			Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)		Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Anh Vân (H5.402)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.401)
		2												Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)						
		3	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)		Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)			CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)
		4		Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.306)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)		Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.304)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)
		5	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.301)		CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)					Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	
	Chiều	6				Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()				Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()			Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.207)	Tin học Lê Hoàng (H3.203_TH Máy tính)		Tin học Vũ Lệ Thu (H2.203_TH Tin Đại cương)	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.103)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

LỚP			64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 14/11	Sáng	1	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)			Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)		CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)
		2	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)		Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.302)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.102)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.302)		Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)
		3	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)													Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)			
		4				Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)								Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)				Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)		
		5				Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)												Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)		
	Chiều	6			Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H3.103)	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()				Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.207)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()		Tin học Lê Hoàng (H3.203_TH Máy tính)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()		Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.208)	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.207)
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 6 15/11	Sáng	1			Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H3.101)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Thành Đông (Nhà thi đấu_01)							Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.208)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()		Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.208)		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Thành Đông (Nhà thi đấu_01)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.103)	
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Tin học Vũ Lệ Thu (H2.203_TH Tin Đại cương)			Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Thành Đông (Nhà thi đấu_01)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()				Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)				Tin học Lê Hoàng (H3.203_TH Máy tính)			Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Thành Đông (Nhà thi đấu_01)		Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 16/11	Sáng	1	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)			HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.302)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.402)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Vân (H5.302)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 16: Từ 11/11 Đến 17/11/2024

LỚP			64TKT3_BX	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 11/11	Sáng	1		Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		2			Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)									CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.403)
		3						Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)		Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.306)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)
		4			Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)			Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)		Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
		5			CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)		CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.104)				Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)			Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.306)		
	Chiều	6		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức (Nhà thi đấu_01)			Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)			Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)			Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Phùng Thị Minh Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)		
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 3 12/11	Sáng	1		Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.102)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)		Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)
		2			Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)			Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)						
		3			CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuý (H5.402)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Anh Văn (H5.403)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Anh Văn (H5.403)
		4		Lịch sử 1 Lưu Thị Thuý (H5.102)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)		Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.307)				Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.402)			Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
		5			Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.303)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)		Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)			Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
	Chiều	6		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.208)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)		Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.101)	Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.101)	Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)			Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)	Tin học Phùng Thị Minh Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)		
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 4 13/11	Sáng	1		Lịch sử 1 Lưu Thị Thuý (H5.102)	Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.303)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.303)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.106)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.402)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.403)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.403)
		2		Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)							Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuý (H5.203)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuý (H5.203)							
		3			Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.106)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.203)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)		Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)
		4				Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)		CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)			Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.304)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)			Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.306)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		5			Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.106)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)		Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.301)		Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.403)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.403)
	Chiều	6		Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.207)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()					Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)				Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.208)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.208)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

LỚP			64TKT3_BX	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 14/11	Sáng	1		Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.203)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)		CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		2		Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.102)		Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)				Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)			
		3			Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)				Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)			CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)
		4		Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)		Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)													
		5				Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)													
	Chiều	6			Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.407)					Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)		Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()
		7																	
		8																	
		9							Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.407)										
		10																	
Thứ 6 15/11	Sáng	1	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Thành Đông (Nhà thi đấu_01)			Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.207)		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()			Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()				
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()		Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.101)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Thành Đông (Nhà thi đấu_01)	Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.101)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()				Ktra: Tin học-1-1-24(N18) Tạ Văn Khoa (H3.209.TH Tin học)			Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn ()			Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 16/11	Sáng	1	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà ()		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.303)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Lưu Yến Ngọc (H5.303)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thu Trang (H5.307)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Trần Thị Hằng (H5.402)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.403)	HĐ trải nghiệm hướng nghiệp Chu Thị Tính (H5.403)
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà ()												Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn ()				
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	